

HƯỚNG DẪN LƯU TRỮ TÀI LIỆU PHỤC VỤ KĐCL CTĐT 2020 - PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Theo Thông báo số 59/TB-MĐC ngày 18 tháng 2 năm 2020)

(CTĐT = Khoa/Bộ môn chủ quản ngành đào tạo)

Lưu ý: Đơn vị đầu mối có trách nhiệm kết hợp với các đơn vị liên quan triển khai lưu trữ tài liệu làm minh chứng.

TT	TÊN MINH CHỨNG	TIÊU CHÍ	ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	CTĐT Thực hiện và/hoặc cùng lưu tài liệu
1	Quyết định ban hành CTĐT*.	1.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
2	Bản mô tả; đề cương CTĐT và bản mô tả; đề cương môn học; học phần*.	1.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
3	Ma trận kỹ năng*.	1.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
4	Biên bản họp lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT*.	1.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
5	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa có đề cập đến CTĐT.	1.1	ĐTĐH	ĐTĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
6	Bản mô tả; đề cương CTĐT và đề cương môn học; học phần*.	1.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
7	Ma trận kỹ năng*.	1.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
8	Biên bản họp lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT*.	1.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
9	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa có đề cập đến CTĐT.	1.2	ĐTĐH	ĐTĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
10	Bản mô tả; đề cương CTĐT và đề cương môn học; học phần*.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
11	Ma trận kỹ năng*.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
12	Biên bản họp; bản góp ý của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động*.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH	QHCC-DN; CTĐT	x
13	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa công bố công khai CĐR của CTĐT*.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
14	Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát CĐR của CTĐT*.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
15	Văn bản của nhà trường về CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
16	Bảng so sánh kết quả xếp loại đối với NH tốt nghiệp CTĐT trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
17	Bản mô tả; đề cương CTĐT và bản mô tả; đề cương môn học; học phần bao gồm các phiên bản cũ và mới nhất*.	2.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
18	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa.	2.1	ĐTĐH	ĐTĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
19	Biên bản họp; bản góp ý lấy ý kiến của các bên liên quan*.	2.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x

20	Biên bản họp; tài liệu về hoạt động rà soát CTĐT*.	2.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
21	Kế hoạch; báo cáo xây dựng; điều chỉnh Bản mô tả CTĐT được phê duyệt*.	2.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
22	Đề cương của tất cả các môn học; học phần trong CTĐT đối với các phiên bản trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*.	2.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
23	Bản mô tả môn học; học phần trong CTĐT*.	2.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
24	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa.	2.2	ĐTĐH	ĐTĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
25	Biên bản họp; ý kiến góp ý của các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các môn học; học phần*.	2.2	ĐTĐH	ĐTĐH; ĐBCL	CTCT-SV; TCCB; QHCC-DN	x
26	Biên bản họp; tài liệu liên quan đến hoạt động rà soát đề cương môn học; học phần*.	2.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
27	Báo cáo kết quả KĐCLGD và đối sánh chất lượng liên quan đến môn học; học phần.	2.2	ĐTĐH	ĐBCL; ĐTĐH	CTĐT	x
28	Bản mô tả CTĐT đã được phê duyệt chính thức*.	2.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
29	Đề cương các môn học; học phần trong CTĐT đã được phê duyệt chính thức*.	2.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
30	Các tài liệu chính thống của CSGD; khoa trong đó có phần công bố về bản mô tả CTĐT; đề cương các học phần*.	2.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
31	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa có công bố bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần*.	2.3	ĐTĐH	ĐTĐH; CTĐT		x
32	Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học; học phần*.	3.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
33	Kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH*.	3.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
34	Ma trận kỹ năng*.	3.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
35	Mô tả CĐR của CTĐT*.	3.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
36	Các báo cáo về KĐCLGD và đối sánh.	3.1	ĐTĐH	ĐBCL; ĐTĐH	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
37	Bản mô tả CTDH, bản mô tả môn học; học phần*.	3.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
38	Sơ đồ; kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH*.	3.2	ĐTĐH	ĐTĐH		
39	Ma trận kỹ năng*.	3.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
40	Góp ý, phản hồi của các bên liên quan*.	3.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
41	Các biên bản họp; tài liệu liên quan tới hoạt động xây dựng CTDH*.	3.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x

42	Biên bản nghiệm thu CTDH và đề cương học phần*.	3.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
43	Các báo cáo về KĐCLGD và đối sánh.	3.2	ĐTĐH	ĐBCL; ĐTĐH	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
44	Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học; học phần*.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
45	Kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH*.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
46	Ma trận kỹ năng.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
47	Góp ý, phản hồi của các bên liên quan.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
48	Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH*.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
49	Biên bản nghiệm thu CTDH và đề cương học phần*.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
50	Các báo cáo về KĐCLGD và đối sánh.	3.3	ĐTĐH	ĐBCL; ĐTĐH	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
51	Tài liệu quy định; hướng dẫn việc xây dựng CTDH trong đó nêu rõ yêu cầu, bố cục, cấu trúc của CTDH*.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
52	Minh chứng về các hoạt động giảng dạy và học tập để đảm bảo chất lượng chẳng hạn như: dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp*.	4.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
53	Cổng thông tin học tập trực tuyến.	4.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT; TT.TT-TV	x
54	CĐR của CTĐT và Bản mô tả CTĐT; môn học; học phần*.	4.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
55	Ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	4.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
56	Tài liệu; hội thảo liên quan đến thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để đạt được CĐR*.	4.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
57	Minh chứng về các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập chẳng hạn như dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp*.	4.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
58	Cổng thông tin học tập trực tuyến*.	4.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT; TT.TT-TV	x
59	Bản mô tả CTĐT; môn học; học phần*.	4.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
60	Văn bản; tài liệu hướng dẫn; quy định về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá NH bao gồm: quá trình đào tạo, thi; chấm luận văn tốt nghiệp*.	5.1	ĐTĐH	ĐTĐH; ĐBCL		x
61	Bản mô tả CTĐT; đề cương chi tiết các môn học; học phần*.	5.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x

62	Bảng tiêu chí đánh giá; thang điểm; mẫu phiếu đánh giá khóa học; môn học, đề tài; dự án, luận văn, luận án, bài thi định kỳ; cuối kỳ; cuối khóa*.	5.1	ĐTĐH	CTĐT; ĐTĐH	CTĐT	x
63	Mẫu phiếu; bản rubrics đánh giá khóa học; môn học, học phần; đề tài; dự án; luận văn, luận án; bài thi cuối kỳ; cuối khóa.	5.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
64	Bản mô tả CTĐT; bản mô tả môn học; học phần*.	5.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
65	Đề cương các môn học, học phần.	5.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
66	Bản mô tả CTĐT và bản mô tả môn học; học phần*.	5.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
67	Các văn bản; tài liệu tổng kết, sơ kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần; môn học; CTĐT*.	5.3	ĐTĐH	ĐBCL; ĐTĐH	TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
68	Các văn bản quy định về thi, kiểm tra, đánh giá*.	5.4	ĐTĐH	ĐTĐH; ĐBCL		x
69	Các văn bản; tài liệu tổng kết, sơ kết sau mỗi kỳ học; năm học*.	5.4	ĐTĐH	ĐTĐH; ĐBCL		
70	Hình thức thông báo kết quả đánh giá tới NH (thông báo, bảng điểm, tài khoản).	5.4	ĐTĐH	ĐTĐH; CTCT-SV		
71	Bảng thống kê khối lượng công việc thực hiện của từng cá nhân.	6.2	ĐTĐH	ĐTĐH; TCCB	CTĐT	x
72	Bảng phân công khối lượng giảng dạy; NCKH hằng năm.	6.2	ĐTĐH	ĐTĐH; KHCN		x
73	Bảng thống kê thanh toán tiền vượt giờ của GV thực hiện chương trình.	6.2	ĐTĐH	ĐTĐH; KHTC		x
74	Sổ tay GV.	6.5	ĐTĐH	ĐTĐH		x
75	Đề án; chính sách tuyển sinh hằng năm*.	8.1	ĐTĐH	ĐTĐH; QHCC-DN	CTĐT	
76	Cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh*.	8.1	ĐTĐH	ĐTĐH		x
77	Các thông báo; kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của CSGD; khoa*.	8.1	ĐTĐH	ĐTĐH; QHCC-DN	CTĐT	
78	Phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hằng năm*.	8.1	ĐTĐH	ĐTĐH; TCCB	CTĐT	
79	Dữ liệu hằng năm về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh*.	8.1	ĐTĐH	ĐTĐH; QHCC-DN	CTĐT	
80	Đề án; kế hoạch tuyển sinh hằng năm (trong đó nêu rõ các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh)*.	8.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	
81	Cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh.	8.2	ĐTĐH	ĐTĐH		x
82	Dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH*.	8.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT; QHCC-DN; ĐBCL	x
83	Văn bản đánh giá công tác tuyển chọn NH hằng năm*.	8.2	ĐTĐH	ĐTĐH; QHCC-DN	CTĐT	
84	Quy chế; quy định đào tạo*.	8.3	ĐTĐH	ĐTĐH		x

85	Văn bản quy định về CTĐT được phê duyệt trong đó quy định rõ khối lượng học tập của NH.	8.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
86	Hệ thống quản lý theo học chế tín chỉ*.	8.3	ĐTĐH	ĐTĐH		x
87	Dữ liệu về kết quả học tập của NH hằng năm*.	8.3	ĐTĐH	ĐTĐH		x
88	Các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của NH*.	8.3	ĐTĐH	ĐTĐH; CTCT-SV; ĐBCL	CTĐT	x
89	Đề cương chi tiết môn học; học phần*.	9.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
90	Các phiếu khảo sát; dữ liệu khảo sát; báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH*.	10.1	ĐTĐH	ĐTĐH; ĐBCL	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
91	Các văn bản; tài liệu về điều chỉnh; thẩm định kèm theo các phiên bản cũ và mới của CTĐT, CTDH trong chu kỳ đánh giá*.	10.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
92	Văn bản quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH*.	10.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	
93	Các biên bản đánh giá; rà soát; cải tiến; thẩm định quy trình thiết kế, phát triển CTDH*.	10.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
94	Các văn bản quy định; hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; đánh giá kết quả học tập*.	10.3	ĐTĐH	ĐTĐH; ĐBCL	TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	
95	Dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy - học và kết quả học tập*.	10.3	ĐTĐH	ĐTĐH; ĐBCL	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
96	Kỷ yếu hội thảo về đổi mới giảng dạy, học tập,...	10.3	ĐTĐH	ĐTĐH; TCCB		
97	Cơ sở dữ liệu về NH trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thời học của NH trong 5 năm của chu kỳ đánh giá[1]*.	11.1	ĐTĐH	ĐTĐH; CTCT-SV		x
98	Thông tin về nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp.	11.1	ĐTĐH	ĐTĐH; CTCT-SV	CTĐT	x
99	Văn bản thành lập; giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách giám sát thời gian tốt nghiệp; văn bản ban hành quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình*.	11.2	ĐTĐH	ĐTĐH; CTCT-SV		
100	Cơ sở dữ liệu về NH trong đó có số liệu thống kê; theo dõi, báo cáo tổng kết tỉ lệ tốt nghiệp, thời học của NH trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*.	11.2	ĐTĐH	ĐTĐH; CTCT-SV; ĐBCL	CTĐT	x